

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
<b><u>Hội đồng quản trị</u></b>	
Ông Huỳnh Văn Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó Chủ tịch
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Ủy viên
Ông Lâm Trọng Lương	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên

#### **Ban kiểm soát**

Bà Lê Thị Hải Châu	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên
Bà Lê Thị Thúy Lan	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

### **ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là bà Phạm Thị Xuân Nguyệt, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT - Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 52 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

---


Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2020

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



---

**NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1



---

**NGUYỄN THỊ THOM - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Mẫu B01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>549.097.613.017</b>	<b>549.786.734.276</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>21.217.612.119</b>	<b>45.075.927.782</b>
1. Tiền	111		17.317.612.119	37.673.998.616
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.900.000.000	7.401.929.166
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>48.110.207.700</b>	<b>41.520.818.055</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	48.110.207.700	41.520.818.055
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.040.692.035</b>	<b>194.576.664.933</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	176.625.736.022	174.320.184.459
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.791.819.114	6.874.837.099
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.640.427.899	3.434.369.875
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(17.291.000)	(52.726.500)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>274.854.063.209</b>	<b>255.099.280.369</b>
1. Hàng tồn kho	141		274.854.063.209	258.279.157.412
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.179.877.043)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.875.037.954</b>	<b>13.514.043.137</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.218.517.908	810.431.805
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.433.177.369	12.687.536.829
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.223.342.677	16.074.503
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>263.951.926.576</b>	<b>287.169.807.138</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>237.778.653.664</b>	<b>268.767.978.090</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	234.796.896.648	265.065.619.179
Nguyên giá	222		472.112.977.232	474.454.470.703
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237.316.080.584)	(209.388.851.524)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2.981.757.016	3.702.358.911
Nguyên giá	228		6.857.556.564	6.740.336.564
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.875.799.548)	(3.037.977.653)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.813.852.850</b>	<b>10.003.950.864</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	18.813.852.850	10.003.950.864
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.859.420.062</b>	<b>6.897.878.184</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.859.420.062	6.897.878.184
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>813.049.539.593</b>	<b>836.956.541.414</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>672.776.603.149</b>	<b>704.634.759.792</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>575.092.138.613</b>	<b>579.889.215.388</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	70.679.432.528	64.114.082.345
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		45.643.206	115.489.855
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.007.346.962	1.821.887.013
4. Phải trả người lao động	314		23.770.617.985	50.913.512.399
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.457.790.793	2.258.667.911
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	14.929.193.272	14.395.234.436
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	459.427.394.692	443.961.777.670
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	3.774.719.175	2.308.563.759
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>97.684.464.536</b>	<b>124.745.544.404</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	23.230.000.000	23.245.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	74.454.464.536	101.500.544.404
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>140.272.936.444</b>	<b>132.321.781.622</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>140.272.936.444</b>	<b>132.321.781.622</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.992.740.000	51.992.740.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>51.992.740.000</i>	<i>51.992.740.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.939.243.713	16.939.243.713
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.630.933.211	32.629.387.230
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.710.019.520	30.760.410.679
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>4.523.801.908</i>	<i>4.828.758.897</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>27.186.217.612</i>	<i>25.931.651.782</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>813.049.539.593</b>	<b>836.956.541.414</b>

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2019



**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT**  
Tổng Giám đốc

**ĐẶNG VĂN TRƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**  
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.024.732.764.339	1.033.733.596.948
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.761.528	30.019.546
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.024.674.002.811	1.033.703.577.402
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	921.296.639.967	925.268.690.569
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.377.362.844	108.434.886.833
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.782.990.932	9.800.624.418
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.243.255.367	38.331.922.574
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.048.554.716	24.999.808.193
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.135.868.090	8.016.547.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	43.175.975.216	40.140.743.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.605.255.103	31.746.297.978
11. Thu nhập khác	31		3.184.470.075	2.144.859.654
12. Chi phí khác	32		3.256.367.212	1.629.437.448
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(71.897.137)	515.422.206
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.533.357.966	32.261.720.184
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	6.347.140.354	6.330.068.402
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.186.217.612	25.931.651.782
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	4.183	4.709
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	4.183	4.709



Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2019

PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT  
Tổng Giám đốc

ĐẶNG VĂN TRƯỜNG  
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MÃU B03-DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.533.357.966	32.261.720.184
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		43.859.921.813	38.676.283.263
- Các khoản dự phòng	03		(3.215.312.543)	585.886.802
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		775.365.450	1.363.205.381
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.067.363.274)	(2.287.649.348)
- Chi phí lãi vay	06		26.048.554.716	24.999.808.193
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		98.934.524.128	95.599.254.475
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(1.535.803.647)	(28.969.547.025)
- Tăng hàng tồn kho	10		(16.574.905.797)	(26.088.202.858)
- Giảm/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(19.621.669.084)	38.090.801.817
- Giảm chi phí trả trước	12		630.372.019	2.045.770.952
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(26.660.219.519)	(24.380.402.705)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.555.159.606)	(4.800.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.720.174.940)	(10.311.725.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>22.896.963.554</b>	<b>41.185.949.656</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(24.723.929.955)	(72.317.212.829)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.937.727.315	956.543.813
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.501.929.166)	(21.125.592.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(440.902.313)
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	27	VII	1.180.081.866	3.413.139.147
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(20.108.049.940)</b>	<b>(86.514.024.182)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	19.862.842.866
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.015.307.724.123	1.067.433.433.890
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.027.356.971.804)	(1.033.905.965.022)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(14.589.347.200)	(8.446.501.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(26.638.594.881)</b>	<b>44.943.810.434</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(23.849.681.267)</b>	<b>(384.264.092)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>45.075.927.782</b>	<b>45.454.186.167</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61		<b>(8.634.396)</b>	<b>6.005.707</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>21.217.612.119</b>	<b>45.075.927.782</b>



**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT**  
 Tổng Giám đốc

**ĐẶNG VĂN TRƯỜNG**  
 Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**  
 Người lập biểu

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt may 29/3 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dệt may 29/3, được cổ phần hóa theo Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203001358 (số mới là 0400100457) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 27 tháng 3 năm 2007, thay đổi đến lần thứ 14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng lần đầu vào ngày 7 tháng 7 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 156/2010/GCNCP-VSD và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 10 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 156/2010/GCNCP-VSD-2 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

- Vốn điều lệ** : 51.992.740.000 VND  
**Số cổ phiếu** : 5.199.274 cổ phần  
**Mệnh giá** : 10.000 VND/cổ phần

*Cơ cấu vốn điều lệ như sau:*

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Huỳnh Văn Chính	517 Trần Hưng Đạo, Thành phố Đà Nẵng	504.629	5.046.290.000	9,71
2	Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	552.500	5.525.000.000	10,63
3	Ông Lâm Trọng Lương	47 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	499.231	4.992.310.000	9,60
4	Ông Nguyễn Xuân Anh	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	324.625	3.246.250.000	6,24
5	Ông Nguyễn Đình Trường	Số 6 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	308.000	3.080.000.000	5,92
6	Ông Nguyễn Xuân Tùng	225 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Đà Nẵng	378.750	3.787.500.000	7,28
7	Cổ đông khác		2.631.539	26.315.390.000	50,61
	<b>Cộng</b>		<b>5.199.274</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100,00</b>

- Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

- Địa chỉ** : 60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại** : (84-0236) 3 756 999

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Fax : (84-0236) 3 759 622  
Email : hachiba@dng.vnn.vn  
Website : www.hachiba.com.vn  
Mã số thuế : **0 4 0 0 1 0 0 4 5 7**

#### Chi nhánh phụ thuộc

#### **Chi nhánh Công ty cổ phần Dệt may 29/3 - Xí nghiệp may Duy Trung**

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Tây An, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam

Mã số thuế : **0 4 0 0 1 0 0 4 5 7 - 0 0 7**

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

### **3. Ngành, nghề kinh doanh**

Sản xuất các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Sản xuất các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Bán buôn và bán lẻ các sản phẩm trong ngành may mặc, ngành dệt khăn. Bán buôn các sản phẩm bao bì, nguyên vật liệu ngành dệt may. Kinh doanh các dịch vụ thương mại.

### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.4).

### **6. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.985 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.291 người).

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

##### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

##### **6. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### **7. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, tạm ứng cổ tức; các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6- 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán/phần máy tính và tài sản cố định vô hình khác.

##### ***Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà***

Đây là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà số 478 Điện Biên Phủ, phường Thanh Lộc Đán, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### ***Phần mềm máy tính/ kế toán***

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

##### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác phản ánh giá trị của các chương trình quản lý sản xuất, chất lượng sản phẩm, bao gồm chương trình quản lý tiến độ sản xuất, chương trình điều khiển máy in hoa và chương trình ISO 9001-2000, phản ánh là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các chương trình này vào sử dụng. Giá trị của các chương trình quản lý này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

##### ***Chi phí mua sắm tài sản cố định***

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

##### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

##### ***Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

#### **12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện chi phí mua bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

### **14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

#### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### ***Phân phối lợi nhuận thuần***

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mệ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

#### **15. Doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Lãi tiền gửi, lãi cho vay***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### **16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **17. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **20. Lãi trên cổ phần**

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

#### 21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	357.380.340	386.440.328
Tiền gửi ngân hàng	16.960.231.779	37.287.558.288
Các khoản tương đương tiền	3.900.000.000	7.401.929.166
<b>Cộng</b>	<b>21.217.612.119</b>	<b>45.075.927.782</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 6,6%/năm (năm 2018: 6,3%/năm đến 7,1%/năm).

##### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.110.207.700</b>	<b>48.110.207.700</b>	<b>41.520.818.055</b>	<b>41.520.818.055</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	48.110.207.700	48.110.207.700	41.520.818.055	41.520.818.055
<b>Dài hạn</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.610.207.700</b>	<b>49.610.207.700</b>	<b>43.020.818.055</b>	<b>43.020.818.055</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,3%/năm đến 6,7%/năm (năm 2018: 6,3%/năm đến 7,1%/năm).

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, toàn bộ số dư tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 48.110.207.700 VND đang được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt.

Công ty mua 150 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu kỳ hạn 10 năm do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 1.500.000.000 VND. Chi tiết:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- 100 trái phiếu mua trong năm 2018, ngày phát hành 28 tháng 6 năm 2018, lãi suất quy định là lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,08%/năm.
- 50 trái phiếu mua trong năm 2017, ngày phát hành 14 tháng 12 năm 2017, lãi suất quy định là lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng (+) 1,2%/năm.

#### **3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty May Sportteam Corporation	8.972.806.228	4.178.922.391
Aurora Investment Global INC	17.537.693.431	24.975.675.486
Desipro Pte., Ltd.	63.351.136.404	79.728.163.692
I- MAR International Co., Ltd.	9.876.780.688	9.051.155.464
Bagir Group Ltd.	67.447.757.213	47.494.622.647
Galtex International Limited	6.227.035.257	-
Các khách hàng khác	3.212.526.801	8.891.644.779
<b>Cộng</b>	<b>176.625.736.022</b>	<b>174.320.184.459</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, công nợ phải thu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán được đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Khoản phải thu từ các đối tác xuất khẩu trực tiếp có tài khoản tiền về tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng thể hiện trên invoice đã được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.
- Ngoài ra, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 147/2018/VCB-ĐN ngày 10 tháng 12 năm 2018 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

#### **4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần dệt Hòa Khánh Đà Nẵng	4.559.322.645	-
DNTN Cơ Khí Nghĩa Thành	2.436.000.000	1.936.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH KT PCCC Hoàng Tỷ tại Đà Nẵng	369.111.164	70.394.720
Các nhà cung cấp khác	2.427.385.305	4.868.442.379
<b>Cộng</b>	<b>9.791.819.114</b>	<b>6.874.837.099</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Phải thu BHXH	-	-	1.044.435.691	-
Cổ tức cho cổ đông	463.142.958	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	380.600.534	-
Tạm ứng	125.600.000	-	125.600.000	-
Ký cược, ký quỹ	9.657.521	-	384.495	-
Chi hộ tiền cơm nhân viên	1.836.641.766	-	1.507.236.266	-
Các khoản phải thu khác	205.385.654	-	376.112.889	-
<b>Cộng</b>	<b>2.640.427.899</b>	<b>-</b>	<b>3.434.369.875</b>	<b>-</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>34.582.000</b>	<b>17.291.000</b>	<b>(17.291.000)</b>	<b>81.748.500</b>	<b>29.022.000</b>	<b>(52.726.500)</b>
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Royal Huy	34.582.000	17.291.000	(17.291.000)			
Công ty Cổ phần Đại Hưng	-	-	-	6.428.000	-	(6.428.000)
Công ty TNHH TM Bất Động Sản Hưng Việt - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	-	16.398.500	-	(16.398.500)
Công ty TNHH MTV Taseco Oceanview Đà Nẵng	-	-	-	1.122.000	1.122.000	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Cát Vàng	-	-	-	52.800.000	26.400.000	(26.400.000)
Công ty TNHH TM & DV Quỳnh Minh Thi	-	-	-	5.000.000	1.500.000	(3.500.000)
<b>Cộng</b>	<b>34.582.000</b>	<b>17.291.000</b>	<b>(17.291.000)</b>	<b>81.748.500</b>	<b>29.022.000</b>	<b>(52.726.500)</b>

Thông tin về khoản nợ xấu bao gồm:

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,..theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.568.501.553	-	3.047.535.815	-
Nguyên liệu, vật liệu	139.358.791.089	-	111.155.310.599	-
Công cụ, dụng cụ	3.134.840.582	-	2.759.014.979	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.453.208.208	-	29.375.738.157	-
Thành phẩm	81.027.605.755	-	111.616.010.398	(3.179.877.043)
Hàng hóa	100.365.454	-	104.845.475	-
Hàng gửi bán	210.750.568	-	220.701.989	-
<b>Cộng</b>	<b>274.854.063.209</b>	<b>-</b>	<b>258.279.157.412</b>	<b>(3.179.877.043)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho một số thành phẩm ứ đọng, kém mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số đầu năm</b>	<b>3.179.877.043</b>	<b>2.609.684.391</b>
Trích lập trong năm	-	3.179.877.043
Hoàn nhập trong năm	(3.179.877.043)	(2.609.684.391)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.179.877.043</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, hàng tồn kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán được đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hàng hóa là các nguyên vật liệu và thành phẩm may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm tương đương với số dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng không thấp hơn 50.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng.
- Hàng hóa là các nguyên vật liệu và thành phẩm may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mọi thời điểm tương đương với số dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng không thấp hơn 40.000.000.000 VND đã được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.
- Ngoài ra, hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 146/2019/VCB-ĐN ngày 10 tháng 12 năm 2018 được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**8. Chi phí trả trước**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.218.517.908</b>	<b>810.431.805</b>
Phí bảo hiểm tài sản	727.061.386	488.295.904
Công cụ, dụng cụ	290.424.425	263.448.762
Các chi phí khác	201.032.097	58.687.139
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.859.420.062</b>	<b>6.897.878.184</b>
Chi phí sửa chữa	2.061.236.787	1.331.207.859
Công cụ, dụng cụ	3.685.112.405	5.334.702.359
Các chi phí khác	113.070.870	231.967.966
<b>Cộng</b>	<b><u>7.077.937.970</u></b>	<b><u>7.708.309.989</u></b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	120.996.524.107	315.673.739.212	29.556.325.443	7.902.081.941	325.800.000	474.454.470.703
Tăng trong năm	2.801.534.709	14.657.420.548	2.471.108.189	1.783.856.476	-	21.713.919.922
Giảm trong năm	7.617.526.420	16.437.886.973	-	-	-	24.055.413.393
<b>Số cuối năm</b>	<b>120.673.469.596</b>	<b>312.359.216.948</b>	<b>30.086.689.443</b>	<b>8.667.801.245</b>	<b>325.800.000</b>	<b>472.112.977.232</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	31.676.285.282	158.541.818.677	14.969.684.918	4.113.751.888	87.310.759	209.388.851.524
Tăng trong năm	4.705.649.759	34.975.336.804	2.467.610.362	797.533.201	36.969.792	42.983.099.918
Giảm trong năm	2.375.289.737	12.680.581.121	-	-	-	15.055.870.858
<b>Số cuối năm</b>	<b>34.006.645.304</b>	<b>180.836.574.360</b>	<b>17.437.295.280</b>	<b>4.911.285.089</b>	<b>124.280.551</b>	<b>237.316.080.584</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	<b>89.320.238.825</b>	<b>157.131.920.535</b>	<b>14.586.640.525</b>	<b>3.788.330.053</b>	<b>238.489.241</b>	<b>265.065.619.179</b>
Số cuối năm	<b>86.666.824.292</b>	<b>131.522.642.588</b>	<b>12.649.394.163</b>	<b>3.756.516.156</b>	<b>201.519.449</b>	<b>234.796.896.648</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>						
Số đầu năm	<b>1.139.593.447</b>	<b>63.503.132.864</b>	<b>7.745.540.920</b>	<b>2.714.313.016</b>	-	<b>75.102.580.247</b>
Số cuối năm	<b>5.269.979.536</b>	<b>59.342.734.467</b>	<b>8.524.670.266</b>	<b>2.714.313.016</b>		<b>75.851.697.285</b>
<b>GTCL của TSCĐ thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.16):</b>						
Số đầu năm	<b>55.281.368.658</b>	<b>113.313.670.575</b>	<b>4.122.775.337</b>	<b>670.569.379</b>	-	<b>173.388.383.949</b>
Số cuối năm	<b>24.155.136.275</b>	<b>123.774.476.790</b>	<b>3.693.157.866</b>	<b>653.685.625</b>		<b>152.276.456.556</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng nhà, đất	Phần mềm Winprot và Office Std	Phần mềm kế toán	Phần mềm hải quan điện tử	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	1.656.255.600	1.127.050.006	996.784.800	46.800.000	2.913.446.158	6.740.336.564
Tăng trong năm	-	-	-	-	156.220.000	156.220.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	39.000.000	39.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.656.255.600</b>	<b>1.127.050.006</b>	<b>996.784.800</b>	<b>46.800.000</b>	<b>3.030.666.158</b>	<b>6.857.556.564</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	-	321.101.302	803.417.230	46.800.000	1.866.659.121	3.037.977.653
Tăng trong năm	-	207.689.004	110.672.453	-	558.460.438	876.821.895
Giảm trong năm	-	-	-	-	39.000.000	39.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>528.790.306</b>	<b>914.089.683</b>	<b>46.800.000</b>	<b>2.386.119.559</b>	<b>3.875.799.548</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.656.255.600</b>	<b>805.948.704</b>	<b>193.367.570</b>	<b>-</b>	<b>1.046.787.037</b>	<b>3.702.358.911</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.656.255.600</b>	<b>598.259.700</b>	<b>82.695.117</b>	<b>-</b>	<b>644.546.599</b>	<b>2.981.757.016</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>-</b>	<b>88.605.000</b>	<b>203.408.000</b>	<b>46.800.000</b>	<b>207.677.400</b>	<b>546.490.400</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>88.605.000</b>	<b>734.868.800</b>	<b>46.800.000</b>	<b>207.677.400</b>	<b>1.077.951.200</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số V.16, Công ty sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 1.656.255.600 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh sông Hàn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>18.813.852.850</b>	<b>10.003.950.864</b>
Chi phí đầu tư, xây dựng lò hơi	8.424.832.808	7.778.361.560
Nhà xưởng và tài sản trên đất của Xí nghiệp may Duy Trung - Giai đoạn 2	10.344.924.358	2.050.000.000
Cải tạo nhà máy Duy Trung xanh sạch đẹp	44.095.684	-
Xây dựng trạm cân	-	175.589.304
<b>Cộng</b>	<b><u>18.813.852.850</u></b>	<b><u>10.003.950.864</u></b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH in Na Nu	1.836.599.769	1.836.599.769	1.769.954.913	1.769.954.913
Công ty TNHH AVERY DENNISON Ris Viet Nam	1.386.678.301	1.386.678.301	716.432.825	716.432.825
Cty TNHH Coats Phong Phú	2.172.285.790	2.172.285.790	748.721.581	748.721.581
Công ty TNHH Mainetti Việt Nam	2.505.452.819	2.505.452.819	1.671.492.500	1.671.492.500
Công ty TNHH Việt Nam Pailho	3.089.113.540	3.089.113.540	526.530.790	526.530.790
Phạm Thị Phương Bình	1.307.999.000	1.307.999.000	1.664.052.660	1.664.052.660
Công ty TNHH Bao bì Tấn Đạt	1.156.144.551	1.156.144.551	853.853.856	853.853.856
Công ty TNHH In Thêu Tân Hùng Ngọc	2.783.032.325	2.783.032.325	-	-
Công ty TNHH Thành Thái Thịnh	3.022.997.382	3.022.997.382	1.172.220.249	1.172.220.249
Công ty TNHH Việt Phú	1.214.199.327	1.214.199.327	749.360.350	749.360.350
Công ty TNHH YKK Việt Nam	17.402.086.616	17.402.086.616	7.287.984.082	7.287.984.082
KUFNER HONG KONG LIMITED	1.365.517.445	1.365.517.445	2.779.296.787	2.779.296.787
SHANGHAI WEIXING GARMENT ACCESSORIES CO., LTD	1.482.778.101	1.482.778.101	102.910.770	102.910.770
Các nhà cung cấp khác	29.954.547.562	29.954.547.562	44.071.270.982	44.071.270.982
<b>Cộng</b>	<b><u>70.679.432.528</u></b>	<b><u>70.679.432.528</u></b>	<b><u>64.114.082.345</u></b>	<b><u>64.114.082.345</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	757.689.876	2.975.928.531	3.047.385.003	686.233.404
Thuế nhập khẩu	-	32.811.989	32.811.989	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (**)	990.058.444	6.357.832.988	8.555.159.606	(1.207.268.174)
Thuế thu nhập cá nhân	74.138.693	3.655.180.572	3.408.205.707	321.113.558
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.933.498.590	3.933.498.590	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác (*)	(16.074.503)	14.752.515	14.752.515	(16.074.503)
<b>Cộng</b>	<b>1.805.812.510</b>	<b>16.970.005.185</b>	<b>18.991.813.410</b>	<b>(215.995.715)</b>

**Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:**

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*)	16.074.503	1.223.342.677
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.821.887.013	1.007.346.962

**Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm (\*\*):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nay	6.347.140.354
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	10.692.634
<b>Cộng</b>	<b>6.357.832.988</b>

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	544.935.285	1.156.600.088
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	218.190.499	223.169.499
Các chi phí khác	694.665.009	878.898.324
<b>Cộng</b>	<b>1.457.790.793</b>	<b>2.258.667.911</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.929.193.272</b>	<b>14.395.234.436</b>
Kinh phí công đoàn	1.279.380.004	313.597.442
Các khoản phải trả người lao động	112.846.464	70.488.324
Phải trả cổ tức	-	88.164.442
Công ty TNHH MTV Dệt Vinh Phát	1.398.869.065	731.055.371
Bagir Group Ltd.	6.514.672.082	5.297.547.290
Desipro Pte., Ltd.	2.054.093.371	1.922.414.309
Các khoản phải trả khác	3.569.332.286	5.971.967.258
<b>b) Dài hạn</b>	<b>23.230.000.000</b>	<b>23.245.000.000</b>
Bagir Group Ltd.	23.230.000.000	23.245.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>38.159.193.272</u></b>	<b><u>37.640.234.436</u></b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>459.427.394.692</b>	<b>459.427.394.692</b>	<b>1.027.897.659.438</b>	<b>(1.012.432.042.416)</b>	<b>443.961.777.670</b>	<b>443.961.777.670</b>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>428.651.549.469</i>	<i>428.651.549.469</i>	<i>997.121.814.215</i>	<i>(982.119.266.100)</i>	<i>413.649.001.354</i>	<i>413.649.001.354</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	90.417.626.303	90.417.626.303	254.341.922.037	(299.324.862.157)	135.400.566.423	135.400.566.423
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	101.365.839.365	101.365.839.365	229.625.552.669	(227.288.814.437)	99.029.101.133	99.029.101.133
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt (iii)	4.806.075.600	4.806.075.600	49.146.508.080	(57.117.539.340)	12.777.106.860	12.777.106.860
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng (iv)	50.463.445.500	50.463.445.500	136.950.310.520	(132.246.611.525)	45.759.746.505	45.759.746.505
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (v)	71.284.078.839	71.284.078.839	151.562.836.601	(145.501.230.087)	65.222.472.325	65.222.472.325
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - Chi nhánh Sông Hàn (vi)	70.318.452.841	70.318.452.841	94.181.863.014	(44.439.024.351)	20.575.614.178	20.575.614.178
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (vii)	39.996.031.021	39.996.031.021	81.312.821.294	(76.201.184.203)	34.884.393.930	34.884.393.930
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>30.775.845.223</i>	<i>30.775.845.223</i>	<i>30.775.845.223</i>	<i>(30.312.776.316)</i>	<i>30.312.776.316</i>	<i>30.312.776.316</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)	8.883.648.253	8.883.648.253	8.883.648.253	(7.348.139.388)	7.348.139.388	7.348.139.388
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt	-	-	-	(280.429.101)	280.429.101	280.429.101
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi	15.595.382.340	15.595.382.340	15.595.382.340	(15.523.767.000)	15.523.767.000	15.523.767.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
nhánh Đà Nẵng (ix)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)	3.370.126.630	3.370.126.630	3.370.126.630	(4.230.012.827)	4.230.012.827	4.230.012.827
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xi)	2.926.688.000	2.926.688.000	2.926.688.000	(2.930.428.000)	2.930.428.000	2.930.428.000
<b>b) Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>74.454.464.536</b>	<b>74.454.464.536</b>	<b>18.654.694.743</b>	<b>(45.700.774.611)</b>	<b>101.500.544.404</b>	<b>101.500.544.404</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (viii)						
Trong vòng 1 năm	8.883.648.253	8.883.648.253	8.883.648.253	(7.348.139.388)	7.348.139.388	7.348.139.388
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	12.579.782.763	12.579.782.763	7.699.076.925	(9.411.893.188)	14.292.599.026	14.292.599.026
<b>Cộng</b>	<b>21.463.431.016</b>	<b>21.463.431.016</b>	<b>16.582.725.178</b>	<b>(16.760.032.576)</b>	<b>21.640.738.414</b>	<b>21.640.738.414</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(8.883.648.253)	(8.883.648.253)	(8.883.648.253)	7.348.139.388	(7.348.139.388)	(7.348.139.388)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>12.579.782.763</b>	<b>12.579.782.763</b>	<b>7.699.076.925</b>	<b>(9.411.893.188)</b>	<b>14.292.599.026</b>	<b>14.292.599.026</b>
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt						
Trong vòng 1 năm	-	-	-	(280.429.101)	280.429.101	280.429.101
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(280.429.101)</b>	<b>280.429.101</b>	<b>280.429.101</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	-	-	280.429.101	(280.429.101)	(280.429.101)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
nhánh Đà Nẵng (ix)						
Trong vòng 1 năm	15.595.382.340	15.595.382.340	15.595.382.340	(15.523.767.000)	15.523.767.000	15.523.767.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	36.334.010.572	36.334.010.572	5.699.569.000	(17.852.951.385)	48.487.392.957	48.487.392.957
Sau 5 năm	4.392.394.000	4.392.394.000	-	(5.699.569.000)	10.091.963.000	10.091.963.000
<b>Cộng</b>	<b>56.321.786.912</b>	<b>56.321.786.912</b>	<b>21.294.951.340</b>	<b>(39.076.287.385)</b>	<b>74.103.122.957</b>	<b>74.103.122.957</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(15.595.382.340)	(15.595.382.340)	(15.595.382.340)	15.523.767.000	(15.523.767.000)	(15.523.767.000)
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>40.726.404.572</b>	<b>40.726.404.572</b>	<b>5.699.569.000</b>	<b>(23.552.520.385)</b>	<b>58.579.355.957</b>	<b>58.579.355.957</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (x)						
Trong vòng 1 năm	3.370.126.630	3.370.126.630	3.370.126.630	(4.230.012.827)	4.230.012.827	4.230.012.827
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	13.480.506.522	13.480.506.522	4.532.764.677	(4.541.469.265)	13.489.211.110	13.489.211.110
Sau 5 năm	1.082.695.942	1.082.695.942	-	(4.532.764.677)	5.615.460.619	5.615.460.619
<b>Cộng</b>	<b>17.933.329.094</b>	<b>17.933.329.094</b>	<b>7.902.891.307</b>	<b>(13.304.246.769)</b>	<b>23.334.684.556</b>	<b>23.334.684.556</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(3.370.126.630)	(3.370.126.630)	(3.370.126.630)	4.230.012.827	(4.230.012.827)	(4.230.012.827)
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>14.563.202.464</b>	<b>14.563.202.464</b>	<b>4.532.764.677</b>	<b>(9.074.233.942)</b>	<b>19.104.671.729</b>	<b>19.104.671.729</b>
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng (xi)						
Trong vòng 1 năm	2.964.088.000	2.964.088.000	2.926.688.000	(2.893.028.000)	2.930.428.000	2.930.428.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	6.585.074.737	6.585.074.737	723.284.141	(2.938.842.955)	8.800.633.551	8.800.633.551
Sau 5 năm	-	-	-	(723.284.141)	723.284.141	723.284.141
<b>Cộng</b>	<b>9.549.162.737</b>	<b>9.549.162.737</b>	<b>3.649.972.141</b>	<b>(6.555.155.096)</b>	<b>12.454.345.692</b>	<b>12.454.345.692</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm	(2.964.088.000)	(2.964.088.000)	(2.926.688.000)	2.893.028.000	(2.930.428.000)	(2.930.428.000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(được trình bày ở phần vay ngắn hạn)						
<b>Số phải trả trong vòng 12 tháng</b>	<b>6.585.074.737</b>	<b>6.585.074.737</b>	<b>723.284.141</b>	<b>(3.662.127.096)</b>	<b>9.523.917.692</b>	<b>9.523.917.692</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>533.881.859.228</b>	<b>533.881.859.228</b>	<b>1.046.552.354.181</b>	<b>(1.058.132.817.027)</b>	<b>545.462.322.074</b>	<b>545.462.322.074</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chủ yếu như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 127/2018/VCB-KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2018 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 132/2017/VCB-KHDN ngày 19 tháng 12 năm 2017). Hợp đồng có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và có thời hạn 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và cố định trong suốt thời gian vay vốn của khoản vay đó. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh. Công ty sử dụng máy móc thiết bị, hàng hóa, quyền đòi nợ để thế chấp cho khoản vay (xem Thuyết minh số V.9).
- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HDCVHM/NHCT480-HACHIBA ngày 24 tháng 7 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 160.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương (bao gồm cả số dư nợ vay đối với Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0607/2018-HĐTDHM/NHCT480-HACHIBA ngày 06 tháng 7 năm 2018), Hợp đồng vay có thời hạn duy trì hạn mức là đến hết ngày 20 tháng 7 năm 2020 và thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Mục đích vay để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh dệt may. Công ty sử dụng toàn bộ tài sản được đầu tư để tăng quy mô sản xuất, dự án chiều sâu, mở rộng đầu tư sản xuất hàng may mặc xuất khẩu (xem Thuyết minh số V.9).
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0097/2019/HĐTDHM ngày 12 tháng 04 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 42.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và thời hạn cho vay tối đa là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Công ty sử dụng toàn bộ tiền gửi của Công ty gửi tại Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.2) để thế chấp cho khoản vay này.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.1372.290519 ngày 29 tháng 5 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được ghi trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty sử dụng bất động sản tại Trụ sở chính và Chi nhánh của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, thửa đất số 156, TBD số 08, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên, Quảng Nam, máy móc phục vụ ngành dệt (xem Thuyết minh số V.9) và hàng tồn kho bình quân trị giá 50.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7) để đảm bảo cho khoản vay này.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số DNG2015043/HĐTD ngày 7 tháng 10 năm 2015 và Phụ lục số 09 ngày 8 tháng 01 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng vay có thời hạn 12 tháng (đến ngày 8 tháng 01 năm 2021) và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng may mặc xuất khẩu. Công ty sử dụng hàng hóa là nguyên vật liệu và thành phẩm hàng may mặc, dệt luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh với giá trị tại mọi thời điểm tương đương với dư nghĩa vụ tín dụng của Công ty tại Ngân hàng nhưng không thấp hơn 40.000.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7), khoản phải thu từ đối tác xuất khẩu (xem Thuyết minh số V.3) để đảm bảo cho khoản vay này.
- (vi) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh sông Hàn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/256967/HĐTD ngày 13 tháng 11 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 năm 2020. Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Quyền sử dụng đất và nhà gắn liền trên đất tại số 478A6 Điện Biên Phủ, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng (xem Thuyết minh số V.9 và số V.10) để đảm bảo cho khoản vay này.
- (vii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 27331.19.307.2747030.TD ngày 23 tháng 7 năm 2019 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, Hợp đồng có hiệu lực ngày 23 tháng 7 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 và thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần giải ngân được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Biện pháp bảo đảm là Hợp đồng tiền gửi, tiền ký quỹ, thẻ tiết kiệm do MB phát hành; Tài sản và quyền tài sản đã đang và sẽ hình thành từ phương án cấp tín dụng của ngân hàng MB.
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo như sau:
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2016 số 01/2016-HDDTDDDA/NHCT480-HACHIBA ngày 01 tháng 3 năm 2016 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 36.500.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8,5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ dự án “Đầu tư mở rộng xí nghiệp May - Veston 2015 - 2016”.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2604/2018-HDCVDADT /NHCT480-HACHIBA ngày 26 tháng 4 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.183.741.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 2 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 0908/2018-HDCVDADT /NHCT480-HACHIBA ngày 9 tháng 8 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 2.128.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2009/2018-HDCV-SDBS01/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 4 tháng 10 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.289.900.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2018 số 2711/2018-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 27 tháng 11 năm 2018 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.295.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 8%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 01/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 13 tháng 5 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 746.410.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 02/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 28 tháng 6 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 1.858.500.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 6.5%/năm). Mục đích là để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.
  - Hợp đồng tín dụng được ký kết trong năm 2019 số 03/2019-HDCVDADT/NHCT480-NHCT480-HACHIBA ngày 19 tháng 9 năm 2019 với các khoản tiền bằng VND hoặc USD nhưng không vượt quá 5.378.300.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7%/năm). Mục đích là để

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án tài trợ vốn đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của công ty. Các khoản vay được trả hàng quý kể từ khi rút vốn vay.

Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay; Hai máy đính bộ điện tử, máy lập trình Juki để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 21.463.431.018 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 10.937.938.977 VND và số dư ngoại tệ là 453.157,62 USD tương đương 10.525.492.039 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 8.883.648.253 VND bao gồm 4.453.910.948 VND và 201.813,33 USD tương đương 4.429.737.305 VND.

(ix) Công ty có các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với chi tiết như sau:

- Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trong năm 2015 với tổng số hạn mức vay là 52.467.176.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay của các Hợp đồng cấp tín dụng là 60 tháng và 120 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ (lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay USD là 4%/năm và 4,5%/năm; lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên kể từ khi giải ngân cho các khoản vay VND là 7,8%/năm). Mục đích của các khoản vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cho ngành dệt và cho dự án xây dựng xí nghiệp may Veston.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.449.140717 ngày 29 tháng 9 năm 2017 với tổng hạn mức là 8.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để hoàn vốn đầu tư mua máy móc thiết bị.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.455.140717 ngày 17 tháng 8 năm 2017 với tổng hạn mức là 14.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.799.040518 ngày 16 tháng 5 năm 2018 với tổng hạn mức là 10.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng cấp tín dụng số HOD.DN.791.040518 ngày 26 tháng 06 năm 2018 với tổng hạn mức là 16.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Khế ước nhận nợ. Mục đích của khoản vay là để đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa nhà xưởng.

Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc tại Trụ sở chính của Công ty ở 60 Mẹ Nhu, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và thửa đất số 523, Xã Duy Trung, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam và các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.9) và hàng tồn kho trị giá 50.000.000 VND (xem Thuyết minh số V.7) để đảm bảo cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 56.321.786.913 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 44.686.717.208 VND và số dư ngoại tệ là 501.079,66 USD tương đương 11.635.069.705 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 15.595.382.340 VND bao gồm 10.542.780.000 VND và 217.597,00 USD tương đương 5.052.602.340 VND.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (x) Công ty có khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 334/2015/VCB-KHDN ngày 9 tháng 11 năm 2015 với số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương, thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần rút vốn được quy định trên Giấy nhận nợ, lãi suất áp là 3,96%/năm. Mục đích của các khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án. Các khoản vay được trả hàng tháng sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.10) để thế chấp cho các khoản vay này.

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 771.990,06 USD tương đương 17.933.329.094 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 145.076,48 USD tương đương 3.370.126.630 VND.

- (xi) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 6255/15/TD-TT/VI ngày 16 tháng 12 năm 2015 với số tiền vay là 18.730.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất các khoản vay USD: lãi suất ưu đãi năm đầu tiên là 2,5%/năm, từ năm thứ hai trở đi, lãi vay được tính bằng lãi suất Libor 3 tháng cộng (+) 2,5%/năm; Lãi suất các khoản vay VND: 7,5%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên, các tháng tiếp theo điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng (lãi cuối kỳ) cộng (+) biên độ 2,5%/năm. Mục đích của khoản vay để đầu tư xây dựng mở rộng Xí nghiệp May - Veston. Số tiền vay được trả hàng quý sau thời gian ân hạn. Công ty sử dụng các tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.10).

Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 9.511.762.736 VND bao gồm số dư nợ vay VND là 3.869.432.625 VND và số dư ngoại tệ là 243.099,10 USD tương đương 5.642.330.111 VND, trong đó khoản vay đến hạn trả là 2.926.688.000 VND bao gồm 1.190.580.000 VND và 74.800 USD tương đương 1.736.108.000 VND.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Chi/ sử dụng các quỹ	Số cuối năm
<b>Năm trước</b>				
Quỹ khen thưởng	5.758.523.673	2.687.617.623	(8.653.780.000)	(207.638.704)
Quỹ phúc lợi	1.576.237.421	1.343.808.811	(231.815.000)	2.688.231.232
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	(89.707.580)	1.343.808.811	(1.426.130.000)	(172.028.769)
<b>Cộng</b>	<b>7.245.053.514</b>	<b>5.375.235.245</b>	<b>(10.311.725.000)</b>	<b>2.308.563.759</b>
<b>Năm nay</b>				
Quỹ khen thưởng	(207.638.704)	2.593.165.178	(1.584.875.000)	800.651.474
Quỹ phúc lợi	2.688.231.232	1.296.582.589	(921.809.940)	3.063.003.881
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	(172.028.769)	1.296.582.589	(1.213.490.000)	(88.936.180)
<b>Cộng</b>	<b>2.308.563.759</b>	<b>5.186.330.356</b>	<b>(3.720.174.940)</b>	<b>3.774.719.175</b>

(\*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận tại Thuyết minh số V.18

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Vốn chủ sở hữu****Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>7.069.140.847</b>	<b>25.372.819.649</b>	<b>32.495.257.999</b>	<b>106.937.218.495</b>
Tăng vốn trong năm	9.992.740.000	9.870.102.866	-	-	19.862.842.866
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.931.651.782	25.931.651.782
Trích lập các quỹ	-	-	7.256.567.581	(12.631.802.826)	(5.375.235.245)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	-	-	(2.434.696.276)	(2.434.696.276)
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>32.629.387.230</b>	<b>30.760.410.679</b>	<b>132.321.781.622</b>
<b>Năm nay</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>32.629.387.230</b>	<b>30.760.410.679</b>	<b>132.321.781.622</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	27.186.217.612	27.186.217.612
Trích lập các quỹ	-	-	7.001.545.981	(12.187.876.337)	(5.186.330.356)
Chia cổ tức	-	-	-	(14.038.039.800)	(14.038.039.800)
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	-	-	-	(10.692.634)	(10.692.634)
<b>Số cuối năm</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>16.939.243.713</b>	<b>39.630.933.211</b>	<b>31.710.019.520</b>	<b>140.272.936.444</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 51.992.740.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>13.040.290.000</b>	<b>25,08</b>	<b>13.040.290.000</b>	<b>25,08</b>
Ông Huỳnh Văn Chính	5.046.290.000	9,71	5.046.290.000	9,71
Bà Phạm Thị Xuân Nguyệt	5.525.000.000	10,63	5.525.000.000	10,63
Ông Đặng Văn Trường	2.200.000.000	4,23	2.200.000.000	4,23
Ông Trần Xuân Hòe	269.000.000	0,52	269.000.000	0,52
<b>Cổ đông khác</b>	<b>38.952.450.000</b>	<b>74,92</b>	<b>38.952.450.000</b>	<b>74,92</b>
Ông Nguyễn Xuân Anh	3.246.250.000	6,24	3.246.250.000	6,24
Ông Lâm Trọng Lương	4.992.310.000	9,60	4.992.310.000	9,60
Ông Nguyễn Đình Trường	3.080.000.000	5,92	3.080.000.000	5,92
Ông Nguyễn Xuân Tùng	3.787.500.000	7,28	3.787.500.000	7,28
Cổ đông khác	23.846.390.000	45,86	23.846.390.000	45,86
<b>Cộng</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100,00</b>	<b>51.992.740.000</b>	<b>100,00</b>

#### Cổ phần

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.199.274	5.199.274
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.199.274</i>	<i>5.199.274</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.199.274	5.199.274
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.199.274</i>	<i>5.199.274</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Chi tiết phân phối lợi nhuận như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức	14.038.039.800	12.600.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	7.001.545.981	7.256.567.581
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.186.330.356	5.375.235.245
Quỹ khen thưởng	2.593.165.178	2.687.617.623
Quỹ phúc lợi	1.296.582.589	1.343.808.811
Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý	1.296.582.589	1.343.808.811
<b>Cộng</b>	<b>26.225.916.137</b>	<b>25.231.802.826</b>

#### 22. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	605.263,38	1.227.015,74
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	665,59	671,71
Đô la Hồng Kông	HKD		1.620,64

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

##### 1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.024.732.764.339</b>	<b>1.033.733.596.948</b>
Doanh thu bán hàng hóa	358.823.808	7.708.160.016
Doanh thu bán thành phẩm	1.023.047.429.290	1.023.097.340.184
Doanh thu khác	1.327.051.241	2.928.096.748
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(58.761.528)</b>	<b>(30.019.546)</b>
Giảm giá hàng bán	(35.125.178)	-
Hàng bán bị trả lại	(23.636.350)	(30.019.546)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.024.674.002.811</b>	<b>1.033.703.577.402</b>

##### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	327.599.912	9.203.794.421
Giá vốn thành phẩm	920.969.040.055	916.064.896.148
<b>Cộng</b>	<b>921.296.639.967</b>	<b>925.268.690.569</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	3.081.825.144	2.804.765.718
Lãi tiền cho vay, trái phiếu	805.116.667	614.611.111
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.874.602.718	6.264.212.150
Doanh thu tài chính khác	21.446.403	117.035.439
<b>Cộng</b>	<b>9.782.990.932</b>	<b>9.800.624.418</b>

#### 4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	26.048.554.716	24.999.808.193
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.194.700.651	12.891.212.068
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	440.902.313
<b>Cộng</b>	<b>29.243.255.367</b>	<b>38.331.922.574</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	-	24.020.454
Chi phí bao bì	34.906.757	27.699.962
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.919.756	11.919.756
Thuế, phí và lệ phí	2.796.999.119	2.409.211.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.571.329.409	3.611.519.227
Chi phí bán hàng khác	1.720.713.049	1.932.176.553
<b>Cộng</b>	<b>7.135.868.090</b>	<b>8.016.547.183</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	16.524.565.144	18.617.188.856
Chi phí vật liệu quản lý	2.297.972.640	2.328.664.611
Chi chi đồ dùng văn phòng	864.029.569	864.540.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.894.537.685	1.786.067.330
Thuế, phí và lệ phí	5.441.267.200	2.982.124.265
Chi phí dự phòng	(35.435.500)	15.694.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.464.360.468	4.191.386.813
Chi phí bằng tiền khác	10.724.678.010	9.355.076.560
<b>Cộng</b>	<b>43.175.975.216</b>	<b>40.140.743.516</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.184.470.075</b>	<b>2.144.859.654</b>
Khách hàng hỗ trợ, bồi thường hàng lỗi	1.181.396.371	-
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	59.096.568	565.213.657
Xử lý công nợ không đòi	197.677.986	117.740.711
Thu tiền bồi thường	320.813.000	-
Thu nhập khác	1.425.486.150	1.461.905.286
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.256.367.212</b>	<b>1.629.437.448</b>
Lỗ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.819.578.537	690.825.168
Chi tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng	-	211.256.566
Chi tiền bị phạt do vi phạm hành chính	354.577.900	555.018.508
Chi phí khác	1.082.210.775	172.337.206
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(71.897.137)</b>	<b>515.422.206</b>

#### 8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>33.533.357.966</b>	<b>32.261.720.184</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.177.323.803</b>	<b>3.418.866.828</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.837.486.754	3.418.866.828
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(660.162.951)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>35.710.681.769</b>	<b>35.680.587.012</b>
Thuế suất áp dụng	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.142.136.354</b>	<b>7.136.117.402</b>
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm liên quan đến chi phí chi cho lao động nữ	(794.996.000)	(806.049.000)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.347.140.354</b>	<b>6.330.068.402</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

#### 9. Lãi trên cổ phần

##### a) Lãi cơ bản trên cổ phần

<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>27.186.217.612</b>	<b>25.931.651.782</b>
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.437.243.522)	(5.186.330.356)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông</b>	<b>21.748.974.090</b>	<b>20.745.321.426</b>
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.199.274	4.405.330
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>4.183</b>	<b>4.709</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>b) Lãi suy giảm trên cổ phần</b>		
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông</b>	<b>21.748.974.090</b>	<b>20.745.321.426</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>21.748.974.090</b>	<b>20.745.321.426</b>
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.199.274	4.405.330
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>5.199.274</b>	<b>4.405.330</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phần</b>	<b>4.183</b>	<b>4.709</b>
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.053.193.603	513.787.577.976
Chi phí nhân công	383.541.714.948	378.612.079.398
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.859.921.813	38.676.283.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.798.465.107	45.430.449.414
Chi phí khác bằng tiền	24.014.178.832	19.992.207.218
<b>Cộng</b>	<b>964.267.474.303</b>	<b>996.498.597.269</b>
<b>VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>		
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	380.600.534
Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc	3.087.460.479	-
Phải trả chi phí lãi vay	544.935.285	1.156.600.088
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản trong năm	131.195.350	215.403.636
Cổ tức tạm ứng năm trước	-	4.065.334.258
Phải trả cổ tức	-	88.164.442
<b>2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	380.600.534	374.362.852
Chi phí lãi vay năm trước đã trả trong năm	1.156.600.088	537.194.600

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức trả trước năm nay	463.142.958	-
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	88.164.442	-
Trả trước tiền mua sắm, xây dựng tài sản	369.111.164	1.167.194.720
Tiền mua sắm, xây dựng tài sản phải trả năm trước đã trả trong năm	215.403.636	63.280.000
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	380.600.534	374.362.852

## VIII. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	1.868.010.634	1.868.010.634
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	7.472.042.536	7.472.042.536
Sau 5 năm	63.823.696.662	65.691.707.296
<b>Cộng</b>	<b><u>73.163.749.832</u></b>	<b><u>75.031.760.466</u></b>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất để làm trụ sở Công ty theo Hợp đồng thuê đất số 95/HĐ-TĐ ngày 30 tháng 12 năm 2009 ký kết với Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng và Phụ lục hợp đồng thuê đất ngày 08 tháng 05 năm 2014. Thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày ký Quyết định cho thuê đất (tháng 3 năm 2009), đơn giá thuê là 20.780/VND/m<sup>2</sup>/năm. Năm 2019, Công ty đã nộp tiền thuê đất là 1.868.010.634 VND (năm 2018: 1.868.010.634 VND)

### 2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

#### ***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương, thưởng, thù lao	3.669.216.100	4.149.260.800
<b>Cộng</b>	<b><u>3.669.216.100</u></b>	<b><u>4.149.260.800</u></b>

### 3. Công cụ tài chính

#### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### *Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	533.881.859.228	545.462.322.074
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(21.217.612.119)	(45.075.927.782)
Nợ thuần	512.664.247.109	500.386.394.292
Vốn chủ sở hữu	140.272.936.444	132.321.781.622
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>365%</b>	<b>378%</b>

##### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

##### **Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.217.612.119	21.217.612.119	45.075.927.782	45.075.927.782
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	49.610.207.700	49.610.207.700	43.020.818.055	43.020.818.055
Phải thu của khách hàng	176.608.445.022	176.608.445.022	174.267.457.959	174.267.457.959
Phải thu về cho vay	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khác	678.186.133	678.186.133	757.097.918	757.097.918
<b>Cộng</b>	<b>248.114.450.974</b>	<b>248.114.450.974</b>	<b>273.121.301.714</b>	<b>273.121.301.714</b>

##### **Nợ phải trả tài chính**

Phải trả người bán	70.679.432.528	70.679.432.528	64.114.082.345	64.114.082.345
Chi phí phải trả	1.239.600.294	1.239.600.294	2.035.498.412	2.035.498.412
Phải trả khác	36.766.966.804	36.766.966.804	37.256.148.670	37.256.148.670
Các khoản vay	533.881.859.228	533.881.859.228	545.462.322.074	545.462.322.074
<b>Cộng</b>	<b>642.567.858.854</b>	<b>642.567.858.854</b>	<b>648.868.051.501</b>	<b>648.868.051.501</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

#### ***Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)***

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty là sản xuất các sản phẩm ngành may mặc và ngành dệt khăn, phần lớn là sản xuất đơn hàng xuất khẩu. Nguyên vật liệu chính để sản xuất các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt là vải và sợi các loại, chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài. Ngoài ra, máy móc thiết bị ngành dệt may cũng thường xuyên đầu tư thay đổi, mua sắm mới,... do đó, Công ty cũng nhập khẩu các thiết bị này. Hoạt động sản xuất xuất khẩu chiếm phần lớn trong Công ty, nhu cầu lớn rất lớn cho nên Công ty cần các nguồn vốn vay từ các ngân hàng trong nước, đặc biệt là các khoản vay ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Tên ngoại tệ	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	Tài sản	Nợ phải trả	Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ
Đô la Mỹ (USD)	7.725.950,32	21.112.828,93	(13.386.878,61)	8.402.378,02	22.337.809,01	(13.935.430,99)
Quy đổi VND	178.426.664.454	490.410.220.655	(311.983.556.201)	194.566.015.281	519.217.484.796	(324.651.469.515)
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	665,59	-	665,59	671,71	-	671,71
Quy đổi VND	17.189.043	-	17.189.043	18.479.233	-	18.479.233
Đô la Hồng Kông (HKD)	-	-	-	1.620,64	-	1.620,64
Quy đổi VND	-	-	-	4.203.826	-	4.203.826

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ (USD).

Tỷ lệ thay đổi được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với VND tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 3.119.835.562 VND (năm 2018: 3.246.514.695 VND).

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>	<b>53.510.207.700</b>	<b>60.422.747.221</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	52.010.207.700	48.922.747.221
Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu về cho vay	-	10.000.000.000
<b>Nợ phải trả tài chính</b>	<b>533.881.859.228</b>	<b>545.462.322.074</b>
Các khoản vay	533.881.859.228	545.462.322.074
<b>Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần</b>	<b><u>(480.371.651.528)</u></b>	<b><u>(485.039.574.853)</u></b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 4.803.716.515 VND (năm 2018: 4.850.395.749 VND).

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Rủi ro về giá hàng hóa là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### *Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá mua của nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất kinh doanh và mức nguyên vật liệu một cách hợp lý để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu về cho vay).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro ở khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.217.612.119	-	-	21.217.612.119
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	48.110.207.700	-	1.500.000.000	49.610.207.700
Phải thu của khách hàng	176.608.445.022	-	-	176.608.445.022
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	678.186.133	-	-	678.186.133
<b>Cộng</b>	<b>246.614.450.974</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>248.114.450.974</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	70.679.432.528	-	-	70.679.432.528
Chi phí phải trả	1.239.600.294	-	-	1.239.600.294
Phải trả khác	13.536.966.804	23.230.000.000	-	36.766.966.804
Các khoản vay	459.427.394.692	68.979.374.594	5.475.089.942	533.881.859.228
<b>Cộng</b>	<b>544.883.394.318</b>	<b>92.209.374.594</b>	<b>5.475.089.942</b>	<b>642.567.858.854</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(298.268.943.344)</b>	<b>(92.209.374.594)</b>	<b>(3.975.089.942)</b>	<b>(394.453.407.880)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.075.927.782	-	-	45.075.927.782
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	41.520.818.055	-	1.500.000.000	43.020.818.055
Phải thu của khách hàng	174.267.457.959	-	-	174.267.457.959
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu khác	757.097.918	-	-	757.097.918
<b>Cộng</b>	<b>271.621.301.714</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>273.121.301.714</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	64.114.082.345	-	-	64.114.082.345
Chi phí phải trả	2.035.498.412	-	-	2.035.498.412
Phải trả khác	14.011.148.670	23.245.000.000	-	37.256.148.670
Các khoản vay	443.961.777.670	85.069.836.644	16.430.707.760	545.462.322.074
<b>Cộng</b>	<b>524.122.507.097</b>	<b>108.314.836.644</b>	<b>16.430.707.760</b>	<b>648.868.051.501</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(252.501.205.383)</b>	<b>(108.314.836.644)</b>	<b>(14.930.707.760)</b>	<b>(375.746.749.787)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

**4. Trình bày lại số liệu**

Một số số liệu của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết như sau:

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Được trình bày lại)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tăng các khoản phải thu	(30.136.741.745)	1.167.194.720	(28.969.547.025)
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	38.119.841.817	(29.040.000)	38.090.801.817
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(71.179.058.109)	(1.138.154.720)	(72.317.212.829)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3**

60 Mẹ Nhu, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

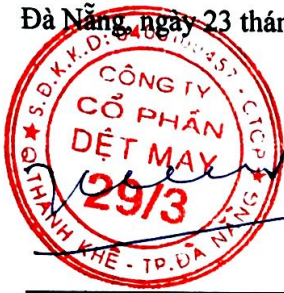
**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**5. Sự kiện sau ngày ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2020



**PHẠM THỊ XUÂN NGUYỆT**  
Tổng Giám đốc

**ĐẶNG VĂN TRƯỜNG**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ KIM LIÊN**  
Người lập biểu